**NỘI DUNG DỰ THẢO SỬA ĐỔI BỔ SUNG PHẦN 4 CỦA BỘ QCATHK**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Điều** | **Khoản** | **Nội dung hiện hành** | **Nội dung đề nghị sửa, bổ sung** | **Ghi chú** |
|  | **4.035** | c | Cục HKVN có thể cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay đặc biệt cho tàu bay có khả năng bay an toàn, nhưng không đáp ứng các các yêu cầu đủ điều kiện bay hiện hành, nhằm mục đích:  (1)  Bay tới căn cứ có khả năng thực hiện bảo dưỡng, hoặc về nơi bảo quản;  (2)  Bay kiểm tra sau bảo dưỡng yêu cầu phải bay kiểm tra; | **Sửa đổi bổ sung điểm 2 khoản c Điều 4.035 như sau:**  Cục HKVN có thể cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay đặc biệt cho tàu bay có khả năng bay an toàn, nhưng không đáp ứng các các yêu cầu đủ điều kiện bay hiện hành, nhằm mục đích:  (1)  Bay tới căn cứ có khả năng thực hiện bảo dưỡng, hoặc về nơi bảo quản;  (2)  Bay kiểm tra sau khi thực hiện cải tiến hoặc sửa chữa theo chứng chỉ loại bổ sung; | Sửa khoản (2) vì tàu bay được bảo dưỡng định kỳ đã phải tuân thủ đúng quy định. |
|  | **4.063** | a | Ngoại trừ Người khai thác tàu bay khai thác theo AOC, chủ sở hữu và Người khai thác tàu bay lớn, tàu bay trang bị nhiều động cơ tuốc-bin phản lực, tàu bay trang bị nhiều động cơ tuốc-bin cánh quạt và máy bay trực thăng trang bị động cơ tuốc-bin phải chọn, chỉ rõ trong hồ sơ bảo dưỡng tàu bay và sử dụng một trong các Chương trình sau đây để kiểm tra tàu bay: | **Sửa đổi bổ sung khoản a Điều 4.063 như sau:**  Ngoại trừ Người khai thác tàu bay khai thác theo AOC, chủ sở hữu và Người khai thác tàu bay lớn, tàu bay trang bị nhiều động cơ tuốc-bin phản lực, tàu bay trang bị nhiều động cơ tuốc-bin cánh quạt và trực thăng trang bị động cơ tuốc-bin phải chọn, chỉ rõ trong hồ sơ bảo dưỡng tàu bay và sử dụng một trong các Chương trình sau đây để kiểm tra tàu bay: | Bỏ từ “máy bay” |
|  | **4.075** |  | **NHÂN VIÊN ĐƯỢC UỶ QUYỀN THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG** |  |  |
|  | **4.075** | (a) | Công việc bảo dưỡng tàu bay hoặc thiết bị tàu bay được thực hiện bởi đối tượng sau:  1. Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT), Nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS) được uỷ quyền của Tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn trong phạm vi năng định được phê chuẩn của AMO;  2. Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT), Nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS) được uỷ quyền của Người khai thác được cấp AOC có hệ thống bảo dưỡng tàu bay hoặc thiết bị tàu bay được Cục Hàng không Việt Nam xác nhận phù hợp với quy định tại Phần 5 Bộ QCATHK; | **Sửa đổi điểm 3 khoản a Điều 4.075 như sau:**  Công việc bảo dưỡng tàu bay hoặc thiết bị tàu bay được thực hiện bởi đối tượng sau:  1. Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT), Nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS) được uỷ quyền của Tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn trong phạm vi năng định được phê chuẩn của AMO;  2. Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT), Nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS) được uỷ quyền của Người khai thác được cấp AOC có hệ thống bảo dưỡng tàu bay hoặc thiết bị tàu bay được Cục Hàng không Việt Nam xác nhận phù hợp với quy định tại Phần 5 Bộ QCATHK;  3. Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT), Người lái có giấy phép do Cục HKVN cấp có thể thực hiện bảo dưỡng/ bảo dưỡng dự phòng tàu bay do người lái sở hữu và khai thác, nếu tàu bay đó không phải là tàu bay được phê chuẩn cho sử dụng bởi người được cấp AOC; | Bổ sung phạm vi người được thực hiện bảo dưỡng đối với tàu bay tư nhân. |
|  | **4.077** |  | **ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN ĐƯỢC UỶ QUYỀN XÁC NHẬN BẢO DƯỠNG** |  |  |
|  | **4.077** | (a) | Việc cấp Giấy chứng nhận phê chuẩn cho phép khai thác, bảo dưỡng dự phòng, tân tạo hoặc cải tiến cho tàu bay, thân cánh, động cơ, cánh quạt, thiết bị được thực hiện bởi các đối tượng sau:  (1) Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT) và Nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS) được uỷ quyền của Tổ chức bảo dưỡng AMO được phê chuẩn trong phạm vi năng định phê chuẩn của AMO13;  (2)  AMT và ARS được uỷ quyền của Người khai thác tàu bay được cấp AOC có hệ thống bảo dưỡng tương đương mô tả trong Phần 5 Bộ QCATHK được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn trong phạm vi được phê chuẩn14;  (3)  AMO có thể cấp Giấy chứng nhận cho phép khai thác cho tàu bay hoặc thiết bị tàu bay trong phạm vi được phê chuẩn;  (4)  Người khai thác tàu bay có AOC có thể cấp Giấy chứng nhận cho phép khai thác cho tàu bay hoặc thiết bị tàu bay trong phạm vi được phê chuẩn. | **Sửa đổi bổ sung điểm 3 khoản c Điều 4.077 như sau:**  Việc cấp Giấy chứng nhận phê chuẩn cho phép khai thác, bảo dưỡng dự phòng, tân tạo hoặc cải tiến cho tàu bay, thân cánh, động cơ, cánh quạt, thiết bị được thực hiện bởi các đối tượng sau:  (1) Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT) và Nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS) được uỷ quyền của Tổ chức bảo dưỡng AMO được phê chuẩn trong phạm vi năng định phê chuẩn của AMO13;  (2)  AMT và ARS được uỷ quyền của Người khai thác tàu bay được cấp AOC có hệ thống bảo dưỡng tương đương mô tả trong Phần 5 Bộ QCATHK được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn trong phạm vi được phê chuẩn14;  (3)  Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT), Người lái có giấy phép do Cục HKVN cấp có thể cấp Giấy chứng nhận cho phép khai thác cho tàu bay hoặc thiết bị tàu bay do người lái sở hữu và khai thác, nếu tàu bay đó không phải là tàu bay được phê chuẩn cho sử dụng bởi người được cấp AOC;  (4)  AMO có thể cấp Giấy chứng nhận cho phép khai thác cho tàu bay hoặc thiết bị tàu bay trong phạm vi được phê chuẩn;  (5)  Người khai thác tàu bay có AOC có thể cấp Giấy chứng nhận cho phép khai thác cho tàu bay hoặc thiết bị tàu bay trong phạm vi được phê chuẩn. | Bổ sung phạm vi người được ký hoàn thành bảo dưỡng đối với tàu bay tư nhân. |
|  | **4.107** | (b) | Nội dung tối thiểu của mục xác nhận hoàn thành bảo dưỡng phải bao gồm:  1. Chi tiết hoặc tham chiếu tới dữ liệu được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận của công việc bảo dưỡng đã thực hiện;  2. Ngày thực hiện công việc bảo dưỡng;  3. Khi cần thiết, danh tính, thông tin xác nhận của tổ chức bảo dưỡng;  4. Danh tính, thông tin xác nhận của người có thẩm quyền hoặc người ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng (tên, chữ ký, số chứng chỉ và loại chứng chỉ);  5. Người xác nhận hoàn thành bảo dưỡng chỉ sử dụng một mẫu chữ ký duy nhất cho công việc đã thực hiện. | **Sửa đổi bổ sung điểm 3 khoản b Điều 4.107 như sau:**  Nội dung tối thiểu của mục xác nhận hoàn thành bảo dưỡng phải bao gồm:  1. Chi tiết hoặc tham chiếu tới dữ liệu được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận của công việc bảo dưỡng đã thực hiện;  2. Ngày thực hiện công việc bảo dưỡng;  3. Các công việc bảo dưỡng chưa hoàn thành;  4. Khi cần thiết, danh tính, thông tin xác nhận của tổ chức bảo dưỡng;  5. Danh tính, thông tin xác nhận của người có thẩm quyền hoặc người ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng (tên, chữ ký, số chứng chỉ và loại chứng chỉ);  6. Người xác nhận hoàn thành bảo dưỡng chỉ sử dụng một mẫu chữ ký duy nhất cho công việc đã thực hiện. | Bổ sung danh mục các công việc bảo dưỡng chưa hoàn thành. |